

**NGHIÊN CỨU TÌNH HÌNH ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC Y TẾ
TRÌNH ĐỘ SAU ĐẠI HỌC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG
TỪ NĂM 2008 – 2018**

**Võ Huỳnh Trang*, Phạm Văn Linh,
Nguyễn Trung Kiên, Nguyễn Hồng Hà**
Trường Đại học Y Dược Cần Thơ
*Email: vhtrang@ctump.edu.vn

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Hội nghị Đào tạo nguồn nhân lực y tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long mở rộng năm 2008 đã cho thấy đây là vùng thiếu nhân lực y tế trầm trọng. Không chỉ về số lượng mà đội ngũ cán bộ y tế có chuyên môn cao là rất thấp. Nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân là rất lớn. Để có nguồn nhân lực tốt thì công tác đào tạo đóng vai trò quyết định. **Mục tiêu nghiên cứu:** Xác định số lượng, tỉ lệ bác sĩ, dược sĩ được đào tạo trình độ sau đại học của các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) mỗi năm từ năm 2008 - 2018 và tỉ lệ bác sĩ, dược sĩ được đào tạo trình độ sau đại học được đào tạo từ Trường Đại học Y Dược Cần Thơ giai đoạn 2008 – 2018. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Mô tả cắt ngang, hồi cứu số lượng bác sĩ, dược sĩ được đào tạo trình độ sau đại học ở 13 tỉnh thành vùng Đồng bằng sông Cửu Long và ở Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. **Kết quả nghiên cứu:** Trong 11 năm, số lượng đào tạo sau đại học các trình độ là: bác sĩ chuyên khoa cấp I (CKI) 4326, trong đó đào tạo từ trường là 2443, đáp ứng 56,5%; bác sĩ CKII 944, trong đó đào tạo từ trường là 452, đáp ứng 47,9%; thạc sĩ 415, trong đó đào tạo từ trường là 127, đáp ứng 30,6%; dược sĩ chuyên khoa cấp I (CKI) 584, trong đó đào tạo từ trường là 316, đáp ứng 54,1%; dược sĩ CKII 26, trong đó đào tạo từ trường là 9, đáp ứng 34,6%. 84,1% bác sĩ sau đại học và 97,6 % dược sĩ sau đại học Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đào tạo tốt nghiệp phục vụ cho vùng ĐBSCL. **Kết luận:** Tỉ lệ cán bộ y tế có trình độ sau đại học sau 10 năm của vùng tăng đáng kể, trong đó Trường Đại học Y Dược Cần Thơ góp phần đào tạo trên 80% cho các tỉnh thành vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Từ khóa: đào tạo sau đại học, Đồng bằng sông Cửu Long.

ABSTRACT

MEKONG DELTA HUMAN RESOURCE TRAINING AT POST-GRADUATE LEVEL IN THE MEKONG DELTA PROVINCES FROM 2008- 2018

Vo Huynh Trang, Pham Van Linh, Nguyen Trung Kien, Nguyen Hong Ha
Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Background: The 2008 Open Mekong Delta Human Resource Training Conference showed that this area is seriously understaffed: the number as well as highly qualified medical staff is very low. The demand for high quality human resources for the care and protection of people's health is enormous. To have good human resources, the training plays a decisive role
Objectives: Determine the number and percentage of doctors and pharmacists trained at the postgraduate level of the Mekong Delta provinces each year from 2008 to 2018 and the proportion of doctors, post-graduate pharmacists trained from Can Tho University of Medicine and Pharmacy (CTUMP) from 2008 to 2018. **Materials and methods:** Cross-sectional and retrospective description of the number of doctors and pharmacists with postgraduate training in 13 provinces and cities in the Mekong Delta region and at CTUMP. **Results:** During 11 years, the number of postgraduate training at specialist level I is 4326, 2443 of which was trained from CTUMP, meeting 56.5%; specialist level II doctors, 944, 452 of which was trained from CTUMP, satisfying 47.9%; master of 415, 127 of which was trained from CTUMP, meeting 30.6%; specialist level I pharmacist is 584, 316 of which was trained from CTUMP, meeting 54.1%; specialist level II pharmacist 26, 9 of which was trained from CTUMP, meeting 34.6%. 84.1% of postgraduate doctors and 97.6% of postgraduate pharmacists at Can Tho University of Medicine and Pharmacy graduate training to serve the Mekong Delta. **Conclusion:** The rate of health staff with postgraduate qualifications after 10 years in the region has increased significantly, of which Can Tho University of Medicine and Pharmacy contributes to training more than 80% for provinces in the Mekong Delta.

Keywords: Postgraduate training, Mekong Delta.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có 13 tỉnh, thành phố; 104 quận, huyện; 1.554 xã, phường với dân số gần 17,5 triệu (năm 2008); nhưng lại là vùng thiếu nguồn lực y tế nhất trong cả nước. Năm 2008, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đã tổ chức Hội nghị Đào tạo nguồn nhân lực y tế vùng ĐBSCL mở rộng với sự tham dự của lãnh đạo các Sở y tế, các cơ sở y tế trung ương đóng trên địa bàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh thành lân cận. Qua các báo cáo tại hội nghị cho thấy vùng Đồng bằng sông Cửu Long là vùng có tỉ lệ bác sĩ, dược sĩ, cử nhân điều dưỡng, cử nhân kỹ thuật y học trên 1 vạn dân còn thấp. Năm 2008, ĐBSCL có 4,81 bác sĩ trên 1 vạn dân, còn khá thấp so với yêu cầu, so với một số vùng miền của cả nước. Không chỉ trình độ đại học, mà tỉ lệ bác sĩ và dược sĩ có trình độ sau đại học cũng rất thấp. Năm 2008, tỉ lệ bác sĩ chuyên khoa cấp I là 27,94%; bác sĩ chuyên khoa cấp II 1,15%; thạc sĩ là 2,46% và toàn vùng chỉ có 14 tiến sĩ chiếm tỉ lệ 0,18%. Những con số này thấp hơn rất nhiều so với mục tiêu về phát triển nhân lực y tế được Thủ tướng chính phủ phê duyệt trong Quyết định 153/2006/QĐ-TTg ngày 30/6/2006 về Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế Việt Nam giai đoạn đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020.

Để thực hiện Nghị quyết 46 của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của nhân dân, Quyết định 153 của Thủ tướng Chính phủ và đặc biệt là đáp ứng nhu cầu ngày càng cao do thiếu hụt về cán bộ y dược vùng Đồng bằng sông Cửu Long thì

nhệm vụ quan tâm hàng đầu của ngành y tế là đào tạo đội ngũ cán bộ y tế đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho toàn vùng. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ với chức năng đào tạo cán bộ y tế có trình độ đại học, sau đại học, cung cấp nguồn lực y tế chủ yếu cho khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long là nơi nhận nhiệm vụ chính thực hiện trọng trách này. Và sau hơn 10 năm đào tạo, chúng tôi thực hiện đề tài: “Nghiên cứu tình hình đào tạo nguồn nhân lực y tế trình độ sau đại học vùng Đồng bằng sông Cửu Long từ năm 2008 – 2018”, nhằm các mục tiêu cụ thể:

1. Xác định số lượng, tỉ lệ bác sĩ, dược sĩ được đào tạo trình độ sau đại học của các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long mỗi năm từ năm 2008 – 2018
2. Xác định tỉ lệ bác sĩ, dược sĩ trình độ sau đại học của các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long được đào tạo tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ từ năm 2008 – 2018.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng

- Hồ sơ học viên tốt nghiệp sau đại học tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ từ năm 2008 – 2018.
- Các văn bản báo cáo nhân lực y tế của các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** mô tả cắt ngang.
- **Nội dung nghiên cứu:**
 - + Số lượng bác sĩ, dược sĩ có trình độ sau đại học của các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long từ năm 2008 – 2018.
 - + Tỉ lệ bác sĩ, dược sĩ có trình độ sau đại học so với bác sĩ, dược sĩ trình độ đại học của các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long từ năm 2008 – 2018.
 - + Số lượng, tỉ lệ bác sĩ, dược sĩ có trình độ sau đại học của các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long được đào tạo tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ từ năm 2008 – 2018.
- **Xử lý số liệu:** phần mềm Microsoft Excel.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Xác định số lượng, tỉ lệ bác sĩ, dược sĩ được đào tạo trình độ sau đại học ở các tỉnh vùng ĐBSCL

Bảng 1. Số lượng, tỉ lệ bác sĩ trình độ chuyên khoa cấp I của các tỉnh vùng ĐBSCL được đào tạo theo từng năm

Năm Tỉnh	2008		2009		2010		2011		2012		2013		2014		2015		2016		2017		2018		Tổng	
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
An Giang	12	1,2	50	4,6	32	2,9	39	3,5	50	4,4	55	4,6	21	1,7	54	4,1	21	1,5	30	2,0	26	1,6	390	24,5
Bạc Liêu	21	6,8	20	6,2	15	4,2	21	5,3	31	7,4	29	6,0	23	4,4	21	3,6	28	4,4	30	4,1	44	5,5	283	35,2
Bến Tre	41	9,5	43	8,2	9	1,6	84	13,8	16	2,5	24	3,7	49	6,8	19	2,6	13	1,6	7	0,9	15	1,7	320	37,1
Cà Mau	5	0,8	29	4,2	23	3,1	126	16,1	33	3,9	115	12,1	43	4,1	98	8,4	42	3,5	87	7,1	34	2,7	635	49,8
Cần Thơ	15	5,5	13	4,2	18	5,5	22	4,3	34	6,3	30	4,8	28	4,1	39	5,5	44	5,9	23	3,0	35	4,2	301	36,5
Đồng	16	2,2	28	3,5	14	1,6	65	7,8	70	7,8	19	2,0	23	2,2	19	1,7	20	1,5	21	1,4	53	3,5	348	23,2

TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC CẦN THƠ – SỐ 26/2020

Năm Tỉnh	2008		2009		2010		2011		2012		2013		2014		2015		2016		2017		2018		Tổng	
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
Tháp																								
Hậu Giang	9	3,0	14	4,5	12	3,5	16	4,0	12	2,8	13	2,9	20	3,8	20	3,6	12	2,0	16	2,6	21	3,3	165	25,7
Kiên Giang	4	0,6	11	1,4	8	1,0	183	21,1	10	1,0	125	12,4	25	2,4	47	4,1	14	1,2	33	2,7	32	2,4	492	56,6
Long An	7	1,2	21	3,4	31	4,5	58	7,7	25	3,3	62	8,5	27	3,3	6	0,7	16	1,7	25	2,6	22	2,0	300	26,8
Sóc Trăng	9	1,9	19	4,0	21	4,2	19	3,6	56	10,0	14	2,5	17	3,0	46	7,3	22	3,4	28	3,7	26	3,0	277	32,2
Tiền Giang	11	1,4	9	1,2	69	8,8	16	1,9	58	7,0	27	3,2	10	1,2	16	1,7	19	2,1	11	1,2	46	4,9	292	31,0
Trà Vinh	17	3,4	38	7,7	57	10,5	38	6,2	8	1,2	21	3,4	17	2,4	8	1,0	16	1,9	47	5,0	14	1,5	281	30,0
Vĩnh Long	15	3,6	19	3,9	13	2,6	36	6,8	72	13,2	21	3,8	20	3,3	23	3,6	4	0,6	6	0,9	13	1,9	242	36,0

Cà Mau là tỉnh có số lượng đào tạo CKI cao nhất 635 nhưng tỉ lệ bác sĩ có trình độ CKI chiếm 49,8%; Kiên Giang có số lượng đào tạo CKI là 492 thấp hơn Cà Mau nhưng tỉ lệ bác sĩ có trình độ CKI là 56,6%. Hậu Giang có số lượng đào tạo CKI là 165 thấp nhất nhưng tỉ lệ bác sĩ có trình độ CKI là 25,7% cao hơn Đồng Tháp có tỉ lệ bác sĩ có trình độ CKI là 23,2% với 348 bác sĩ CKI.

Bảng 2. Số lượng, tỉ lệ bác sĩ trình độ chuyên khoa cấp II của các tỉnh vùng ĐBSCL được đào tạo theo từng năm

Năm Tỉnh	2008		2009		2010		2011		2012		2013		2014		2015		2016		2017		2018		Tổng	
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
An Giang	2	0,2					11	1,0	15	1,3			46	3,7	9	0,7	11	0,8	8	0,5	6	0,4	108	6,8
Bạc Liêu					1	0,3			33	7,8	3	0,6	7	1,3	2	0,3	3	0,5	1	0,1	4	0,5	54	6,7
Bến Tre	3	0,7	2	0,4	19	3,3	3	0,5	4	0,6	30	4,6			3	0,4	2	0,3	3	0,4	9	1,0	78	9,1
Cà Mau			1	0,2	8	1,1	5	0,6	13	1,5	4	0,4	13	1,2	5	0,4	3	0,3	8	0,7	29	2,3	89	7,0
Cần Thơ	4	1,5	5	1,6	8	2,5	6	1,2	12	2,2	13	2,1	8	1,2	18	2,5	13	1,8	11	1,4	13	1,6	111	13,5
Đồng Tháp	4	0,5	3	0,4	7	0,8	7	0,8	29	3,2	4	0,4	8	0,8	9	0,8	13	1,0	7	0,5	10	0,7	101	6,7
Hậu Giang					2	0,6	6	1,5	3	0,7	3	0,7	4	0,8	7	1,3	3	0,5	5	0,8	5	0,8	38	5,9
Kiên Giang							25	2,9	5	0,5	4	0,4	4	0,4	5	0,4	1	0,1	3	0,3	6	0,5	53	6,1
Long An	2	0,4	1	0,2	8	1,2	2	0,3	3	0,4	3	0,4	2	0,2	5	0,6	2	0,2	3	0,3	6	0,5	37	3,3
Sóc Trăng	1	0,2			2	0,4	2	0,4	6	1,1	2	0,4	6	1,1	3	0,5	6	0,9	1	0,1	8	0,9	37	4,3
Tiền Giang	6	0,8	10	1,3	20	2,6	6	0,7	4	0,5	4	0,5	6	0,7	15	1,6	1	0,1	4	0,4	3	0,3	79	8,4
Trà Vinh	5	1,0	20	4,1	4	0,7	20	3,3	4	0,6	4	0,6	9	1,3	25	3,3			5	0,6	5	0,5	101	10,8
Vĩnh Long	3	0,7	3	0,6	6	1,2	6	1,1	2	0,4	4	0,7	20	3,3	7	1,1	3	0,5	2	0,3	2	0,3	58	8,6

Cần Thơ là tỉnh có số lượng đào tạo CKII cao nhất 111 và tỉ lệ bác sĩ có trình độ CKII cũng chiếm 13,5% cao nhất; An Giang và Đồng Tháp có số lượng đào tạo CKII sau Cần Thơ

lần lượt là 108 và 101 nhưng nhưng tỉ lệ bác sĩ có trình độ CKII chỉ là 6,8% và 6,7%; thấp hơn nhiều so với Trà Vinh là 10,8% dù số lượng đào tạo CKI là tương đương 101.

Bảng 3. Số lượng, tỉ lệ bác sĩ trình độ thạc sĩ của các tỉnh vùng ĐBSCL được đào tạo theo từng năm

Năm Tỉnh	2008		2009		2010		2011		2012		2013		2014		2015		2016		2017		2018		Tổng	
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
An Giang	6	0,6	5	0,5			2	0,2	4	0,4	1	0,1	7	0,6	10	0,8	6	0,4	16	1,1	4	0,3	61	3,8
Bạc Liêu									1	0,2			1	0,2	2	0,3			1	0,1	1	0,1	6	0,8
Bến Tre			1	0,2	2	0,4	3	0,5			2	0,3	1	0,1	2	0,3	1	0,1	2	0,2	3	0,4	17	2,0
Cà Mau			1	0,2	2	0,3			2	0,2	1	0,1	1	0,1							1	0,1	8	0,6
Cần Thơ	1	0,4	2	0,7	1	0,3	3	0,6	5	0,9	8	1,2	18	2,6	12	1,7	8	1,1	6	0,8	5	0,6	69	8,4
Đồng Tháp	5	0,7	0	0	5	0,6	2	0,2	1	0,1	1	0,1	23	2,2	29	2,6	20	1,5	15	1,0	8	0,5	109	7,3
Hậu Giang									2	0,5			1	0,2	3	0,5	2	0,5	2	0,3	2	0,3	12	1,9
Kiên Giang							3	0,4	4	0,4	6	0,6	6	0,6	8	0,7	2	0,2	8	0,7	6	0,5	43	5,0
Long An	2	0,4			3	0,5	1	0,1	1	0,1			2	0,3	2	0,2			1	0,1			12	1,1
Sóc Trăng													2	0,4	1	0,2	1	0,2	1	0,1	1	0,1	6	0,7
Tiền Giang	5	0,7	5	0,6	4	0,5	2	0,2	4	0,5	3	0,5	1	0,1	1	0,1	2	0,2	1	0,1	1	0,1	29	3,1
Trà Vinh					2	0,4			2	0,3	4	0,6	1	0,1	3	0,4	1	0,1	2	0,2			15	1,6
Vĩnh Long	8	1,9	8	1,6	1	0,2			3	0,6	1	0,2	1	0,2	3	0,5	1	0,2	1	0,2	1	0,2	28	4,2

Số lượng đào tạo thạc sĩ ở Đồng Tháp rất cao 109 so với các tỉnh thành khác, tuy nhiên tỉ lệ bác sĩ có trình độ thạc sĩ là 7,3% vẫn thấp hơn Cần Thơ là 8,4%.

Bảng 4. Số lượng, tỉ lệ bác sĩ trình độ tiến sĩ của các tỉnh vùng ĐBSCL được đào tạo theo từng năm

Năm Tỉnh	2008		2009		2010		2011		2012		2013		2014		2015		2016		2017		2018		Tổng	
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
An Giang									1	0,1	2	0,2	4	0,3					1	0,1	2	0,1	10	0,6
Bạc Liêu																							0	00
Bến Tre																1	0,1						1	0,1
Cà Mau																							0	00
Cần Thơ					1	0,3			1	0,2			2	0,3	1	0,1	2	0,3					7	0,9
Đồng Tháp					2	0,2					1	0,1											3	0,2
Hậu Giang																		2	0,3				2	0,3
Kiên Giang													1	0,1							1	0,1	2	0,2

TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC CẦN THƠ – SỐ 26/2020

Năm Tỉnh	2008		2009		2010		2011		2012		2013		2014		2015		2016		2017		2018		Tổng	
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
Long An					1	0,2									1	0,1							2	0,2
Sóc Trăng											1	0,2			1	0,2			2	0,3			4	0,5
Tiền Giang	1	0,1									2	0,2			1	0,1	1	0,1			1	0,1	6	0,6
Trà Vinh									1	0,2			1	0,1									2	0,2
Vĩnh Long																	1	0,2					1	0,2

Tỉ lệ đào tạo tiên sĩ của vùng còn rất thấp, có tỉnh không có tiên sĩ, tỉnh có số lượng tiên sĩ nhiều nhất là An Giang.

Bảng 5. Số lượng, tỉ lệ dược sĩ trình độ chuyên khoa cấp I của các tỉnh vùng ĐBSCL được đào tạo theo từng năm

Năm Tỉnh	2008		2009		2010		2011		2012		2013		2014		2015		2016		2017		2018		Tổng	
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
An Giang	2	1,5			3	1,5			13	6,1	17	7,1			2	0,7	10	3,7	2	0,7	6	2,1	55	19,3
Bạc Liêu									4	9,8	1	1,9	3	4,6	31	34,8	1	0,9	1	0,8	4	2,7	45	30,0
Bến Tre									1	2,6	16	37,2	3	5,3	4	5,8			2	2,1	4	4,1	30	30,9
Cà Mau					1	1,7	4	5,6	1	1,2	1	0,9			34	18,8	1	0,5	2	1,0	1	0,5	45	19,8
Cần Thơ	2	11,8					3	6,3	4	7,4	7	10,3	9	10,2	8	7,3	14	11,1	10	6,6	19	11,7	76	46,6
Đồng Tháp	2	6,1	2	4,7	1	1,1			2	3,0	2	2,2	17	4,2	1	0,2	1	0,2	2	0,3	2	0,3	32	5,1
Hậu Giang							2	4,1	2	3,8	2	2,9	6	6,5	5	4,5	5	3,7	5	3,2	7	4,1	34	19,9
Kiên Giang							1	1,6	1	1,0	3	2,8	3	2,0	3	1,9	5	2,7	1	0,5	46	18,6	63	25,4
Long An			1	2,0	2	3,6					1	1,6	2	2,3	1	0,8	2	1,3	1	0,7	6	3,0	16	8,0
Sóc Trăng							1	1,7	1	1,7	1	1,9	1	1,8	3	3,2	6	5,7	4	3,6	50	41,7	67	55,8
Tiền Giang									3	3,1					29	26,1							32	18,6
Trà Vinh	6	10,9	8	13,8	7	11,5	7	7,6	2	2,2	4	4,3	3	1,4	4	1,8	1	0,4	4	1,4	2	0,5	48	11,2
Vĩnh Long	2	9,5	3	11,1			1	2,6	2	4,7	2	4,0	6	8,1	17	18,3	5	4,6			3	2,3	41	31,3

Dược sĩ CKI chiếm cao nhất ở Cần Thơ với 76 dược sĩ, nhưng có tỉ lệ dược sĩ CKI so với dược sĩ đại học chiếm 46,6%; Sóc Trăng có 67 dược sĩ CKI nhưng có tỉ lệ cao nhất là 55,8%.

Bảng 6. Số lượng, tỉ lệ dược sĩ trình độ chuyên khoa cấp II của các tỉnh vùng ĐBSCL được đào tạo theo từng năm

Năm Tỉnh	2008		2009		2010		2011		2012		2013		2014		2015		2016		2017		2018		Tổng	
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
An Giang									1	0,5			1	0,4	1	0,4	1	0,4	1	0,4	1	0,7	7	2,5
Bạc																							0	0,0

TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC CẦN THƠ – SỐ 26/2020

Liêu																						
Bến Tre					1	3,6													1	1,0	2	2,0
Cà Mau																					0	00
Cần Thơ								1	1,9						2	1,6	1	0,7	1	0,6	5	3,1
Đồng Tháp													1	0,2	1	0,2					2	0,3
Hậu Giang											1	1,1			1	0,7			1	0,6	3	1,8
Kiên Giang																	1	0,5			1	0,4
Long An																			1	0,5	1	0,5
Sóc Trăng																	1	0,9			1	0,8
Tiền Giang																					0	00
Trà Vinh	1	1,8											1	0,5			1	0,3			3	0,7
Vĩnh Long																1	0,9				1	0,8

Tỉ lệ đào tạo được sĩ trình độ CKII của các tỉnh cũng thấp, có tỉnh không có, tỉnh có số lượng được sĩ CKII nhiều nhất là An Giang.

Bảng 7. Số lượng, tỉ lệ được sĩ trình độ thạc sĩ của các tỉnh vùng ĐBSCL được đào tạo theo từng năm

Năm Tỉnh	2008		2009		2010		2011		2012		2013		2014		2015		2016		2017		2018		Tổng	
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
An Giang					3	1,5	1	0,4											1	0,4			5	1,8
Bạc Liêu																							0	00
Bến Tre	1	4,6			1	3,6							2	3,5					1	1,1			5	5,2
Cà Mau																							0	00
Cần Thơ																							0	00
Đồng Tháp											1	1,1									1	1,6	2	0,3
Hậu Giang													1	1,1	1	0,9	2	1,5	2	1,3	2	1,2	8	4,7
Kiên Giang											2	1,9			1	0,6					2	0,8	5	2,0
Long An															1	0,8					1	0,5	2	1,0
Sóc Trăng															1	1,1					1	0,8	2	1,7
Tiền Giang																							0	00
Trà Vinh																							0	00
Vĩnh Long	1	4,8	1	3,7									1	1,4									3	2,3

Tỉ lệ đào tạo được sĩ trình độ thạc của các tỉnh rải rác, nhiều tỉnh không có, tỉnh có số lượng thạc sĩ dược học nhiều nhất là Hậu Giang.

* %: tỉ lệ so với số lượng bác sĩ/dược sĩ trình độ đại học tương ứng theo năm

* n của Cần Thơ: chỉ tính số lượng Sở Y tế Cần Thơ quản lý

3.2. Xác định tỉ lệ bác sĩ, dược sĩ trình độ sau đại học của các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long được đào tạo tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

Bảng 8. Số lượng, tỉ lệ bác sĩ các trình độ sau đại học được Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đào tạo cho các tỉnh vùng ĐBSCL

Trình độ Tỉnh	CKI			CKII			Thạc sĩ		
	Tỉnh	Trường	Tỉ lệ (%)	Tỉnh	Trường	Tỉ lệ (%)	Tỉnh	Trường	Tỉ lệ (%)
An Giang	390	222	56,9	108	49	45,4	61	11	18,0
Bạc Liêu	283	149	52,7	54	39	72,2	6	4	66,7
Bến Tre	320	110	34,4	78	34	43,6	17	2	11,8
Cà Mau	635	459	72,3	89	73	82,0	8	4	50,0
Cần Thơ	301	275	91,4	111	78	70,1	69	56	81,2
Đồng Tháp	348	197	56,6	101	32	31,7	109	7	6,4
Hậu Giang	165	157	95,2	38	33	86,8	12	11	91,7
Kiên Giang	492	164	33,3	53	22	41,5	43	7	16,3
Long An	300	101	33,8	37	3	8,1	12	1	8,3
Sóc Trăng	277	249	89,9	37	34	91,9	6	4	66,7
Tiền Giang	292	116	39,7	79	19	24,1	29	4	13,8
Trà Vinh	281	63	22,4	101	2	2,0	15	4	26,7
Vĩnh Long	242	181	74,8	58	34	58,6	28	12	42,9
Tổng	4326	2443	56,5	944	452	47,9	415	127	30,6

Bác sĩ CKI tốt nghiệp từ Trường Đại học Y Dược Cần Thơ chiếm tỉ lệ trung bình 56,5% số lượng bác sĩ CKI ở các tỉnh. Trong đó chiếm cao nhất là Hậu Giang, đến Cần Thơ; thấp nhất là Trà Vinh, và các tỉnh gần Thành phố Hồ Chí Minh như Long An, Tiền Giang, Bến Tre.

Bác sĩ CKII tốt nghiệp từ Trường Đại học Y Dược Cần Thơ chiếm tỉ lệ trung bình 47,9% số lượng bác sĩ CKII ở các tỉnh. Trong đó chiếm cao nhất là Sóc Trăng, đến Hậu Giang, Cà Mau; thấp nhất là Trà Vinh chỉ 2,0%, và cao hơn chút là Long An 8,1%.

Bảng 9. Số lượng, tỉ lệ ngành dược học các trình độ sau đại học được Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đào tạo cho các tỉnh vùng ĐBSCL

Trình độ Tỉnh	CKI			CKII		
	Tỉnh	Trường	Tỉ lệ	Tỉnh	Trường	Tỉ lệ
An Giang	55	10	18,1	7	3	42,9
Bạc Liêu	45	27	60,0	0	0	
Bến Tre	30	5	16,7	2	0	0,0
Cà Mau	45	36	80,0	0	0	
Cần Thơ	76	74	97,4	5	3	60,0
Đồng Tháp	32	4	12,5	2	0	0,0
Hậu Giang	34	29	85,3	3	2	66,7
Kiên Giang	63	54	85,7	1	0	0,0
Long An	16	0	0,0	1	0	0,0
Sóc Trăng	67	18	26,9	1	1	100,0
Tiền Giang	32	23	71,9	0	0	
Trà Vinh	48	8	16,7	3	0	0,0

TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC CẦN THƠ – SỐ 26/2020

Vĩnh Long	41	28	68,3	1	0	0,0
Tổng	584	316	54,1	26	9	34,6

Dược sĩ CKI tốt nghiệp từ Trường Đại học Y Dược Cần Thơ chiếm tỉ lệ trung bình 54,1% số lượng dược sĩ CKI ở các tỉnh. Trong đó chiếm cao nhất là Cần Thơ; thấp nhất là Đồng Tháp, Long An không có dược sĩ nào.

Dược sĩ CKII tốt nghiệp từ Trường Đại học Y Dược Cần Thơ chỉ chiếm tỉ lệ trung bình 34,6% số lượng dược sĩ CKII ở các tỉnh.

Bảng 10. Tỉ lệ các trình độ sau đại học Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đã đào tạo cho các tỉnh vùng ĐBSCL

Trình độ		Các tỉnh ĐBSCL	Đã đào tạo	Tỉ lệ đào tạo cho ĐBSCL (%)
Bác sĩ	CKI	2443	2783	87,8
	CKII	452	604	74,8
	Thạc sĩ	127	204	62,2
Tổng		3022	3591	84,1
Dược sĩ	CKI	316	324	97,5
	CKII	9	9	100,0
Tổng		325	333	97,6

2443/2783 bác sĩ CKI tốt nghiệp của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ về phục vụ tại các tỉnh vùng ĐBSCL chiếm 87,8%. Con số này với bác sĩ CKII là 452/604 chiếm 74,8%.

325/333 dược sĩ CKI tốt nghiệp của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ về phục vụ tại các tỉnh vùng ĐBSCL chiếm 97,5%. Con số này với dược sĩ CKII là 9/9 chiếm 100,0%.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Số lượng, tỉ lệ bác sĩ, dược sĩ được đào tạo trình độ sau đại học ở các tỉnh vùng ĐBSCL

Bảng 1 ghi nhận: Tỉ lệ đào tạo bác sĩ CKI trong từng năm ở các tỉnh không đều nhau và ở từng tỉnh tỉ lệ này cũng không được phân bố đồng đều. Năm 2008 Bến Tre có tỉ lệ đào tạo CKI cao nhất, nhưng 2010 là Trà Vinh, Tiền Giang; 2011 là Kiên Giang với 21,1% - đây là tỉ lệ cao nhất trong các năm và các tỉnh. Hầu như hằng năm các tỉnh đều nhận bác sĩ tốt nghiệp CKI trở về. Sau 11 năm Cà Mau là tỉnh có số lượng đào tạo CKI nhiều nhất nhưng Kiên Giang là tỉnh có tỉ lệ bác sĩ CKI cao nhất so với bác sĩ trình độ đại học.

Ở bảng 2 cũng ghi nhận tỉ lệ đào tạo bác sĩ CKII trong từng năm ở các tỉnh không đều nhau và ở từng tỉnh cũng không được phân bố đồng đều. Tỉ lệ bác sĩ CKII thấp hơn nhiều so với CKI, và trong những năm đầu 2008 đến 2011 các tỉnh còn ít gửi đào tạo CKII.

Bác sĩ ở trình độ thạc sĩ ở các tỉnh khá thấp chỉ chiếm thấp nhất là 0,6% ở Cà Mau đến cao nhất là 8,4% ở Cần Thơ. Trong khi tỉ lệ này ở bác sĩ CKI thấp nhất là 23,2% và cao nhất là 56,6% ; CKII thấp nhất là 3,3% và cao nhất là 13,5% ở Cần Thơ.

Đào tạo trình độ tiến sĩ vẫn còn rải rác, rất ít.

Số lượng và tỉ lệ đào tạo dược sĩ trình độ CKI cũng tăng, tuy nhiên không bằng bác sĩ CKI và cũng không đồng đều giữa các tỉnh và mỗi năm. Sau 11 năm tỉ lệ dược sĩ CKI so với dược sĩ đại học cả các tỉnh ĐBSCL khoảng 20% đến 30%, tuy nhiên cũng có tỉnh chỉ có 5,1% và có tỉnh đạt 55,8%. Việc đào tạo dược sĩ CKII cũng rải rác và rất ít.

4.2. Tỉ lệ bác sĩ, dược sĩ trình độ sau đại học của các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long được đào tạo tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

Bảng 8 và bảng 9 cho thấy số lượng và tỉ lệ bác sĩ, dược sĩ CKI, CKII, và thạc sĩ được đào tạo tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ về phục vụ cho các tỉnh ĐBSCL so với tổng số bác sĩ CKI, CKII, thạc sĩ được đào tạo từ các trường y dược khác.

Số lượng bác sĩ CKI được đào tạo trong 11 năm qua ở 13 tỉnh thành là 4326, trong đó tốt nghiệp từ Trường Đại học Y Dược Cần Thơ là 2443, chiếm 56,5%. Số lượng bác sĩ CKII được đào tạo trong 11 năm qua ở 13 tỉnh thành là 944, trong đó tốt nghiệp từ Trường Đại học Y Dược Cần Thơ là 452, chiếm 47,9%. Số lượng thạc sĩ y học được đào tạo trong 11 năm qua ở 13 tỉnh thành là 415, trong đó tốt nghiệp từ Trường Đại học Y Dược Cần Thơ là 127, chiếm 30,6%. Tương tự số dược sĩ CKI ở các tỉnh ĐBSCL là 584 và số tốt nghiệp của Trường là 316 chiếm 54,1%. Số dược sĩ CKII ở các tỉnh ĐBSCL là 26 và số tốt nghiệp của Trường là 9 chiếm 34,6%. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ bắt đầu chính thức đào tạo CKI từ năm 2004, nên số lượng ngành đào tạo ngày càng tăng nhiều đáp ứng kịp nhu cầu đào tạo nhân lực các tỉnh, vì thế tỉ lệ CKI vùng ĐBSCL do trường đào tạo chiếm tỉ lệ khá cao cả bác sĩ lẫn dược sĩ. Thạc sĩ được Trường chính thức đào tạo từ năm 2010, nhưng số lượng mã ngành còn hạn chế, chỉ đạt 10 mã ngành trong năm 2017 và cũng đào tạo thạc sĩ ngành dược năm 2017 nên số lượng thạc sĩ tốt nghiệp đáp ứng cho các tỉnh của vùng chưa cao, nhất là thạc sĩ dược năm 2018 chưa tốt nghiệp. Bác sĩ CKII được Trường chính thức đào tạo từ năm 2009, tuy số mã ngành có tăng dần từng năm, nhưng các chuyên ngành về dược chỉ đào tạo từ 4 năm trở lại đây nên bác sĩ CKII tốt nghiệp của Trường về phục vụ cho các tỉnh ĐBSCL là 47,9% nhưng dược sĩ CKII thì chỉ có 9 chiếm 34,6%.

Tuy khả năng đào tạo của Trường đáp ứng nhu cầu đào tạo của các tỉnh ĐBSCL chỉ đạt trên dưới 50%, nhưng bảng 10 cho ta thấy số lượng đào tạo sau đại học các trình độ của Trường đã về phục vụ ở các tỉnh ĐBSCL là 3022/3591 chiếm tới 84,1% số bác sĩ sau đại học và 97,6% dược sĩ sau đại học tốt nghiệp của Trường.

V. KẾT LUẬN

Qua kết quả nghiên cứu, chúng tôi rút ra kết luận: Sau hơn 10 năm đào tạo sau đại học, hiện số lượng bác sĩ, dược sĩ có trình độ CKI, CKII, thạc sĩ đã tăng và tỉ lệ năm 2018 đã chiếm từ trên 25% đến gần 50% tùy theo từng tỉnh. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đã đáp ứng 84,1% bác sĩ có trình độ CKI, CKII, thạc sĩ và 97,6 % dược sĩ có trình độ CKI, CKII cho cả tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2005), Nghị quyết 46-NQ/TW ngày 23/02/2005 của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.
2. Công văn 4348/BGDĐT-GDĐH (2015), Về việc đào tạo nhân lực trình độ đại học, thạc sĩ của các địa phương thuộc khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, tây Nam Bộ
3. Phạm Văn Linh, Nguyễn Trung Kiên, Phạm Ngọc Thuận và cs (2009), “Nghiên cứu tình hình nhân lực y tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí y học Thành phố Hồ Chí Minh*, 2 (13), tr. 48-55.
4. Thủ tướng Chính phủ (2006), Quyết định số 153/2006/QĐ-TTg ngày 30/6/2006 về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế Việt Nam giai đoạn 2010 và tầm nhìn đến năm 2020
5. Thủ tướng Chính phủ (2013), Quyết định số 122/2013/QĐ-TTg ngày 10/01/2013 về phê duyệt chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030

6. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (2008), “Tình hình nhân lực y tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long”, *Hội nghị Đào tạo nguồn nhân lực y tế Đồng bằng sông Cửu Long mở rộng*, Cần Thơ 08/11/2008.

(Ngày nhận bài: 30/9/2019 - Ngày duyệt đăng bài: 11/4/2020)
